TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày: 12-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành.

2. Ông Phạm Văn Ven.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị T, sinh năm 1979, tại Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn D (chết) và bà Trần Thị L; Chồng: Phan Văn T1, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 28/2018/HSPT ngày 22-01-2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên y án Bản án hình sự sơ thẩm số 330/2017/HSST ngày 17-11-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Bùi Thị T 06 tháng tù giam về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đã chấp hành xong hình phạt, chưa nộp 400.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, nên chưa được xóa án tích. Tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-8-2023 đến nay. (Có mặt).

2. Phan Văn T2, sinh năm 1983, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn L1 (chết) và bà Đỗ Thị L2 (chết); Vợ: Võ Thị Lệ T3, có 02 con, lớn nhất sinh năm

2008, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-8-2023 đến nay. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Thế V, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

2. Ông Phạm Nhật M, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

3. Ông Trần Trường V1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

4. Ông Đỗ Minh T4, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, Bùi Thị T liên hệ với người đàn ông tên M1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực bến xe A thuộc huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, mua ma túy đem về phân chia thành các tép nhỏ bán lại cho các con nghiện trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Long An để kiếm lãi. Sau khi có ma túy, T đã nhiều lần bán cho Phạm Thế V (N) và Đỗ Minh T4, mỗi lần bán từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm giao nhận tại nhà của T. T đã thu lợi từ việc bán ma túy được 4.000.000 đồng.

Ngày 29-8-2023, T cất giấu 03 tép ma túy ở gốc dừa trước của nhà Phan Văn T2 (em chồng của T). T điện thoại cho T2 chỉ nơi cất giấu ma túy và dặn T2 khi nào có người hỏi mua ma túy thì Trắng giao ma túy giúp T, hoặc có người trực tiếp mua ma túy thì T2 tự giao cho người mua, sau đó đưa tiền cho T. Ngày 29-8-2023, T2 đã giúp T bán cho Phạm Thế V 01 lần được 200.000 đồng, địa điểm giao ma túy tại đường đan gần nhà T.

Khoảng 11 giờ ngày 30-8-2023, V điều khiển xe ô tô biển số 62A-190.86 chở theo T4 và Trần Trường V1, trên xe cả ba bàn bạc mua ma túy để sử dụng. T4 điện thoại đến số sim 0386.105.096 của T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T chỉ đường kêu xuống cầu B chú T2 giao cho. Do V bận việc nên V1 điều khiển xe mô tô chở T4 đến điểm hẹn để mua ma túy. Sau khi thỏa thuận với T4, T sử dụng sim điện thoại trên điện cho Trắng số 0377.175.792, yêu cầu T2 lấy tép ma túy T cất giấu sẵn tại gốc dừa trước nhà của T2 ra khu vực cầu B giao cho T4, T2 đồng ý. Trắng đến cây dừa lấy ma túy, sang nhà của T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, không gắn biển số, điều khiển ra khu vực B thuộc ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thì gặp V1 và T4 đứng chờ tại đây, T2 giao ma túy cho V1 và T4 và nhận 200.000 đồng. V1 và T4 sau khi mua ma túy trở về cất giấu tại nhà của T4, mục đích chờ V về sử dụng cùng.

Đến 15 giờ cùng ngày, V điều khiển ô tô biển số 62A-190.86 trên đường về nhà, đến khu vực H, huyện Đ gặp Phạm Nhật M rồi đón M đi cùng. Trên xe, cả hai bàn bạc mua ma túy về sử dụng. V sử dụng sim số 0393.498.579 điện thoại đến sim 0377.175.792 của T2, hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T2 hẹn V đến đầu cầu nhà ông Sáu M2, thuộc ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để giao nhận. T2 tiếp tục đến chỗ T cất giấu ma túy tại gốc dừa lấy 01 tép ma túy để giao cho V. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T2 đến điểm hẹn tại ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giao ma túy cho M, V đưa cho M 500.000 đồng, M trả Trắng 200.000 đồng, T2 trả lại cho M số tiền thừa 300.000 đồng thì lực lượng Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật.

Tang vật tạm giữ:

+ Thu giữ của V: 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng sọc trắng hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng; Tiền Việt Nam 300.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Fortuner, màu trắng, biển số 62A-190.86.

+ Thu giữ của T2: Tiền Việt Nam 5.470.000 đồng; 01 xe môt tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, không gắn biển số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, chứa sim số 0377.175.792; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo, màu xanh, chứa sim số 0867.140.934.

+ Thu giữ tại nhà của T: 01 cân tiểu ly màu đen; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 108 ống hút nhựa nhiều màu sắc; 05 túi nilon trong suốt hàn kín ba cạnh; 01 quẹt gas.

+ Thu giữ của T4 01 đoạn nhựa màu vàng sọc trắng hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng.

- Kết luận giám định số 5789/KL-KTHS ngày 05-9-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu ký hiệu (M1): Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng sọc trắng, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0291 gam; Mẫu ký hiệu (M2): Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng sọc trắng, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0470 gam. Không hoàn lại đối tượng giám định do mẫu giám định đã sử dụng hết cho công tác giám định.

- Kết luận giám định số 5799/KL-KTHS ngày 14-9-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết chất màu trắng dính trên cân tiểu ly gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine (mẫu ở dạng vết không xác định được khối lượng). H lại đối tượng giám định mẫu sau giám định được niêm phong.

- Kết luận giám định số 5802/KL-KTHS ngày 07-9-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trên hai đoạn ống hút nhựa màu vàng sọc trắng rỗng, hàn kín một đầu, ký hiệu M1, M2 có ADN người. Phân tích ADN từ hai mẫu này được kiểu gen lẫn của Phan Văn T2 và Bùi Thị T. H lại lại đối tượng giám định mẫu sau giám định được niêm phong.

- Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 25-01-2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Số khung, số máy xe mô tô thu giữ của Phan Văn T2 nguyên thủy là: SK: RLHHC09063Y394414; SM: HC09E-0394530.

Cáo trạng số 36/CT-VKSĐH ngày 09-4-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Bùi Thị T và Phan Văn T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Bùi Thị T và Phan Văn T2 thừa nhận đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị bắt quả tang như nội dung Cáo trạng đã truy tố; Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế V trình bày: Khoảng tháng 4/2023 đến tháng 8/2023 ông và Tân thường mua ma túy của bị cáo T, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, giao nhận tại nhà của T. Trong ngày 29-8-2023, ông mua ma túy của Trắng 01 lần giá 200.000 đồng, giao ma túy tại đường đan gần nhà T. Khoảng 11 giờ ngày 30-8-2023, ông điều khiển xe ô tô biển số 62A-190.86 chở theo T4 và V1, cả ba người bàn bạc mua ma túy để sử dụng. T4 điện thoại cho T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T chỉ đường kêu xuống cầu B chú T2 giao cho. Do ông bận việc nên V1 điều khiển xe mô tô chở T4 đến điểm hẹn để mua ma túy. Đến 15 giờ cùng ngày, ông điều khiển ô tô biển số 62A-190.86 trên đường về nhà, đến khu vực H, huyện Đ gặp M rồi đón M đi cùng. Trên xe, cả hai bàn bạc mua ma túy về sử dụng. Ông sử dụng sim số 0393.498.579 điện thoại đến sim 0377.175.792 của T2, hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T2 hẹn ông đến đầu cầu nhà ông Sáu M2, thuộc ấp V, xã M để giao nhận. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T2 đến điểm hẹn, giao ma túy cho M, ông đưa cho M 500.000 đồng, M trả Trắng 200.000 đồng, T2 trả lại cho M số tiền thừa 300.000 đồng, thì lực lượng Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nhật M trình bày: Khoảng 15 giờ ngày 30-8-2023, V điều khiển ô tô biển số 62A-190.86 ghé khu vực H, huyện Đ đón ông đi cùng. Trên xe, cả hai bà bạc mua ma túy về sử dụng. V điện thoại cho T2, hỏi mua 200.000 đồng ma túy, V và T2 hẹn nhau xong V chở ông đến đầu cầu nhà ông Sáu M2, thuộc ấp V, xã M để giao nhận. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T2 đến giao ma túy, ông nhận, V đưa cho ông 500.000 đồng trả tiền ma túy, ông trả Trắng 200.000 đồng, T2 trả lại cho ông số tiền thừa 300.000 đồng, thì lực lượng Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trường V1 trình bày: Khoảng 11 giờ ngày 30-8-2023, V điều khiển xe ô tô biển số 62A-190.86 chở theo T4 và ông, trên xe cả ba người bàn bạc mua ma túy để sử dụng. T4 điện thoại với T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T chỉ đường kêu xuống cầu B chú T2 giao cho. Do V bận việc nên ông điều khiển xe mô tô chở T4 đến điểm hẹn để mua ma túy. Trắng

đến giao ma túy và nhận 200.000 đồng. T4 và ông về cất giấu ma túy tại nhà của T4, mục đích chờ V về sử dụng cùng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh T4 trình bày: Khoảng tháng 4/2023 đến tháng 8/2023 ông và V thường mua ma túy của T, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm giao nhận tại nhà của T. Khoảng 11 giờ ngày 30-8-2023, V điều khiển xe ô tô biển số 62A-190.86 chở theo ông và V1, cả ba bàn bạc mua ma túy để sử dụng. Lúc này, ông điện thoại đến số sim 0386.105.096 của T hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T chỉ đường kêu xuống cầu B chú T2 giao cho. Do V bận việc nên V1 điều khiển xe mô tô chở ông đến điểm hẹn. Trắng đến giao ma túy và nhận 200.000 đồng. V1 và ông về cất giấu ma túy tại nhà của ông, mục đích chờ V về sử dụng cùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị T và Phan Văn T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251 , điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn T2 từ 07 năm tù đến 08 năm tù;

+ Về các biện pháp tư pháp, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xem xét:

++ Xe ô tô biển số 62A-190.86, do bà Lê Thị H1 đứng tên, ông V mượn xe để đi công việc, bà H1 không biết việc ông V sử dụng xe ô tô để đi mua ma túy; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại xe ô tô cho bà H1 xong nên không tiếp tục đề cập.

++ Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, không gắn biển số thu giữ của bị cáo T2; Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T5, ông T5 để ở nhà mẹ vợ là bị cáo T. Ngày 30-8-2023, bị cáo T2 tự lấy xe này sử dụng đi bán trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang. Ông T5 không biết việc bị cáo T2 sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại xe mô tô nêu trên cho ông T5 xong nên không tiếp tục đề cập.

++ Số tiền 300.000 đồng thu giữ của ông V không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho ông V xong nên không tiếp tục đề cập.

++ Điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh, chứa sim số 0867.140.934 và số tiền 5.470.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo T2, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho bị cáo T2 xong nên không tiếp tục đề cập.

++ Đối với các vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý: Đề nghị tịch thu sung công quỹ điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, chứa sim số 0377.175.792 và số tiền 400.000 đồng; Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cân tiểu ly màu đen, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 108 ống hút nhựa nhiều màu sắc, 05 túi nilon trong suốt hàn kín ba cạnh và 01 quẹt gas.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 30-8-2023, tại ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (đoạn đường giao thông cặp kênh B), lực lượng Công an huyện Đ, tỉnh Long An phối hợp Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An bắt quả tang bị cáo Phan Văn T2 đang bán ma túy cho Phạm Thế V và Phạm Nhật M.

Qua điều tra xác định, bị cáo Bùi Thị T thông qua sự giúp sức của bị cáo Phan Văn T2 (em chồng của bị cáo T) đã bán trái phép chất ma túy cho Phạm Thế V lần 1 vào ngày 29-8-2023, lần 2 vào ngày 30-8-2023 là 0,02291 gam ma túy loại Methamphetamine và bán cho Đỗ Minh T4 0,0470 gam ma túy loại Methamphetamine.

[3] Tại phiên toà, các bị cáo T và T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp khách quan với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 16 giờ 10 phút ngày 30-8-2023, Kết luận giám định số 5789/KL-KTHS ngày 05-9-2023, Kết luận giám định số 5799/KL-KTHS ngày 14-9-2023 và Kết luận giám định số 5802/KL-KTHS ngày 07-9-2023 cùng của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo T và T2 đủ lý trí và năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích vụ lợi.

[5] Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T và T2 không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm, cách thức thực hiện tội phạm cho từng bị cáo, không có sự câu kết chặc chẽ giữa các bị cáo, hành vi của các bị cáo thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn.

[6] Đã đủ căn cứ kết luận: Hành vi của các bị cáo T và T2 phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Cáo trạng số 36/CT-VKSĐH ngày 09-4-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố các bị cáo T và T2 với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[8] Hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" của các bị cáo T và T2 là nguy hiểm cho xã hội; Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gián tiếp gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khoẻ con người, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm; Không những thế, hành vi của các bị cáo còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây phẫn nộ, bất bình trong quần chúng nhân dân; Hành vi của các bị cáo T và T2 là rất nghiêm trọng, cần được xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Trong vụ án, vai trò và mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo khác nhau. Bị cáo T với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, rủ rê, lôi kéo; bị cáo T2 với vai trò là người thực hành. Do đó, khi lượng hình cần xem xét mức độ thực hiện hành vi của bị cáo T nguy hiểm hơn bị cáo T2.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo T và T2 thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hoàn cảnh gia đình bị cáo T2 khó khăn, bị cáo là lao động chính, con còn nhỏ sinh năm 2020, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo T và T2 là có căn cứ pháp luật.

[13] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Thế V, Đỗ Minh T4 và Trần Trường V1, chưa đủ định lượng nên không cấu thành tội phạm có liên quan, Công an huyện Đ đã đề nghị Công an xã nơi cư trú xem xét xử lý hành chính là phù hợp nên không đề cập;

[13] Đối với những lần mua bán ma túy khác mà các bị cáo T và T2 khai ra, chỉ có lời khai của các bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét giải quyết; Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với người đàn ông tên M1 đã bán ma túy cho bị cáo T, không rõ nhân thân, lai lịch, ngoài lời khai của bị cáo T không có tài liệu, chứng cứ khác để xác định, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh, làm việc và xử lý trách nhiệm liên quan nên không đề cập; Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm không được xử lý, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[15] Về các biện pháp tư pháp, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy:

+ Xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Fortuner, màu trắng, biển số 62A-190.86, do bà Lê Thị H1 đứng tên. Sáng ngày 30-8-2023, V đến nhà và hỏi mượn xe của bà H1 đi công việc 01 ngày. Đến chiều cùng ngày, không thấy V trả xe ô tô, nên bà H1 liên lạc thì được V thông báo là có sử dụng xe để đi mua trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang. Bà H1 không biết việc V sử dụng xe ô tô để đi mua trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại xe ô tô nêu trên cho bà H1 theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 27 ngày 21-11-2023 là phù hợp nên không tiếp tục đề cập.

+ Xe môt tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, không gắn biển số, SK: RLHHC09063Y394414; SM: HC09E-0394530 thu giữ của T2; Qua điều tra xác định chủ sở hữu là bà Đỗ Thị Bé H2. Bà H2 mua xe khoảng tháng 10-2022, mua của ông Văn Đình S. Tuy nhiên, bà H2 chỉ làm thủ tục thu hồi đăng ký biển số xe, chưa rút hồ sơ và làm thủ tục đăng ký xe mới. Ngày 23-8-2023, bà H2 có bán xe này cho ông Nguyễn Văn T5, việc mua bán chỉ làm giấy tay mua bán và giao xe. Sau khi mua xe, ông T5 để ở nhà mẹ vợ là bị cáo T. Ngày 30-8-2023, T2 tự lấy xe này dụng xe để đi bán trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang. Ông T5 không biết việc T2 sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại xe mô tô nêu trên cho ông T5 theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 205 ngày 14-3-2024 là phù hợp nên không tiếp tục đề cập.

+ Số tiền 300.000 đồng thu giữ của V không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho V theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 205 ngày 14-3-2024 là phù hợp nên không tiếp tục đề cập.

+ Đối với điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh chứa sim số 0867.140.934, số tiền 5.470.000 đồng thuộc sở hữu của T2, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho Trắng theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 205 ngày 14-3-2024 là phù hợp nên không tiếp tục đề cập.

+ Đối với các vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý:

Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, chứa sim số 0377.175.792 là phương tiện thực hiện tội phạm và số tiền 400.000 đồng thu lợi từ hành vi phạm tội, tịch thu sung công quỹ là phù hợp;

01 cân tiểu ly màu đen, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 108 ống hút nhựa nhiều màu sắc, 05 túi nilon trong suốt hàn kín ba cạnh, 01 quẹt gas là công cụ thực hiện tội phạm, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

+ Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý nộp lại số tiền 4.000.000 đồng thu lợi bất chính, đây là sự tự nguyện của bị cáo T, nên ghi nhận để buộc bị cáo nộp sung vào công quỹ nhà nước là phù hợp.

[16] Về án phí: Các bị cáo T và T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị T và Phan Văn T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị T 08 (tám) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T bị tạm giữ, tạm giam (ngày 31-8-2023).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Thị T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-8-2024), để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T2 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T2 bị tạm giữ, tạm giam (ngày 30-8-2023).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Văn T2 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-8-2024), để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về các biện pháp tư pháp, áp dụng các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, chứa sim số 0377.175.792 là phương tiện thực hiện tội phạm và số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) thu lợi từ hành vi phạm tội;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 cân tiểu ly màu đen, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 108 ống hút nhựa nhiều màu sắc, 05 túi nilon trong suốt hàn kín ba cạnh, 01 quẹt gas là công cụ thực hiện tội phạm, không có giá trị sử dụng.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKSĐH ngày 09-4-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16-8-2024 và Biên lai thu tiền số 0001924 ngày 23-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Thị T: Buộc bị cáo Bùi Thị T nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền thu lợi từ hành vi phạm tội, sung công quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo ***Bùi Thị T*** và ***Phan Văn T2*** mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 12-8-2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Liên quan;
- UBND xã M;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Vương